

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Trần Thị Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thùy My**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Tô Văn Tông** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 955/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Cẩm N**, sinh năm 1998

Nơi đăng ký thường trú: Số, đường, phường, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Số, ấp, xã, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
(*có yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1981

Nơi đăng ký thường trú: Số, đường, phường, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Số ..., đường ..., phường ..., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm N trình bày, yêu cầu: Trước đây do quen biết và tìm hiểu nên bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ..., quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ngày 27/5/2017. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ tháng 4/2021 nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và ông T có lời lẽ đe dọa, đồng thời đánh đập bà. Do đó, bà về nhà mẹ ruột ở Vị Thanh sinh sống, đến đầu năm 2022 trở về chung sống với ông T được khoảng 01 tháng thì bà tiếp tục về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn với nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Khang D (nam), sinh ngày 29/9/2017, từ ngày 27/10/2022 do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà đồng ý giao con chung cho ông Trần Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Vụ án không hòa giải được do ông Trần Quốc T vắng mặt và bà N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, điều tra thu thập chứng cứ đầy đủ, gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng hạn. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chưa phát hiện vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cháu Trần Khang D (nam), sinh ngày 29/9/2017 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản

chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – ông Trần Quốc T được Tòa án triệu hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà N cũng có đơn yêu cầu không hòa giải và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Cẩm N và ông Trần Quốc T kết hôn với nhau vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm và ông T có hành vi dùng lời lẽ đe dọa, đồng thời đánh đập bà nên từ đó tình cảm giữa vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Vì vậy bà yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T thật sự trầm trọng, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng không quan tâm thăm hỏi lẫn nhau, cũng không tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Qua các chứng cứ do bà N cung cấp thể hiện mâu thuẫn giữa bà và ông T đúng như bà trình bày.

Đối với ông T mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T không đến tham dự phiên hòa giải và phiên tòa cho thấy rằng ông T cũng không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà N. Hơn nữa, khi Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng thì bà N không đồng ý và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án mà không cần tiến hành thủ tục hòa giải. Do đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà thực sự trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hoàn toàn phù hợp.

[4] *Về con chung*: Từ thời điểm ly thân đến khi hòa giải cháu Trần Khang D do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, đến ngày 27/10/2022 bà N giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Đồng thời tại Biên bản lấy lời khai của bà N ngày 14/11/2022 bà đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các lần hòa giải sau ông T đều vắng mặt nên không biết ý kiến của ông T, tuy nhiên hiện tại cháu D do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và để tránh sự xáo trộn tâm lý của cháu D nên giao con cho ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà N khai là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Căn cứ tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] *Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm N

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm N được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Khang D (nam), sinh ngày 29/9/2017 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000902 ngày 11/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà N đã nộp xong án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ninh Kiều;
- UBND **P. Thới Bình**;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lai Ngọc Trí